

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2020
V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Kim San

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng (ly hôn), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1995; trú tại: Thôn ĐL 1, xã ĐX, huyện KT, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh JUNG CHUNG H; sinh năm 1968; địa chỉ: 1037, H, G, W, J, Hàn Quốc.

Chị Phạm Thị M có mặt, anh Jung Chung H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị Phạm Thị M kết hôn với anh JUNG CHUNG H trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục khai báo kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 15/01/2019, nhưng không làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Việt Nam. Sau khi kết hôn chị M và anh JUNG CHUNG H chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, do anh JUNG CHUNG H sống ở Hàn Quốc, chị M vẫn sinh sống ở Việt Nam, anh chị vẫn thường xuyên liên

lạc với nhau qua điện thoại nhưng do khảng cách địa lý, tính cách và bất đồng ngôn ngữ nên phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án công nhận chị và anh JUNG CHUNG H không phải là vợ chồng (ly hôn).

Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là anh JUNG CHUNG H đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trình bày:

Anh JUNG CHUNG H thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị M về việc kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống mỗi người mỗi nơi nên anh đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị M. Do anh JUNG CHUNG H hiện đang cư trú tại Hàn Quốc không có điều kiện tham gia giải quyết việc ly hôn được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án, anh đã ủy quyền cho chị Phạm Thị M giao, nhận thay tất cả văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung và tài sản chung: Anh JUNG CHUNG H và chị M không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh JUNG CHUNG H đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị M có mặt, anh JUNG CHUNG H vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của anh JUNG CHUNG H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị M hiện đang cư trú tại Hải Phòng, Việt Nam có đơn xin ly hôn anh JUNG CHUNG H hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc, theo quy định tại Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn là anh JUNG CHUNG H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt

nên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục khai báo kết hôn tại W, W, J, Hàn Quốc ngày 15/01/2019 nhưng chị M và anh JUNG CHUNG H chưa làm thủ tục khai báo đăng ký kết hôn với chính quyền địa phương tại Việt Nam nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam nên không được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi anh chị kết hôn không có nhiều thời gian chung cùng nhau do khoảng cách địa lý, bất đồng về tính cách và ngôn ngữ và không có khả năng đoàn tụ gia đình. Chị M có đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn, anh JUNG CHUNG H đã có văn bản thể hiện quan điểm đồng ý với việc xin ly hôn của chị M. Như vậy, việc chị M và anh JUNG CHUNG H chung sống với nhau như vợ chồng và không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, khi chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị theo quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M và anh JUNG CHUNG H không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0008482 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh JUNG CHUNG H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án Hạch Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà